

THÔNG BÁO
XÉT DUYỆT/THẨM ĐỊNH QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2024**Đơn vị được thông báo: Trường Đại học Mở Hà Nội****Mã chương: 022**

Căn cứ Thông tư số 137/2017/TT-BTC ngày 25 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định xét duyệt, thẩm định, thông báo và tổng hợp quyết toán năm;

Căn cứ Báo cáo quyết toán ngân sách năm 2024 của Trường Đại học Mở Hà Nội và Biên bản xét duyệt quyết toán Ngân sách nhà nước năm 2024 ký ngày 28 tháng 4 năm 2025 giữa Đoàn xét duyệt/thẩm định quyết toán của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) và đơn vị¹;

Bộ GDĐT thông báo xét duyệt/thẩm định quyết toán ngân sách năm 2024 (không bao gồm vốn đầu tư công) của Trường Đại học Mở Hà Nội như sau:

I. Phần số liệu**1. Số liệu quyết toán**

1.1. Thu phí, lệ phí: Không phát sinh

1.2. Quyết toán chi ngân sách trung ương

- Số dư kinh phí năm trước chuyển sang: 400.566.000 đồng

- Dự toán được giao trong năm: 4.263.555.000 đồng

- Kinh phí thực nhận trong năm: 3.569.091.700 đồng

- Kinh phí quyết toán: 3.569.091.700 đồng

- Kinh phí giảm trong năm: 159.212.300 đồng

- Số dư kinh phí được chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán: 935.817.000 đồng, bao gồm:

+ Kinh phí đã nhận: 0 đồng

+ Dự toán còn dư ở Kho bạc: 935.817.000 đồng.

(Số liệu chi tiết theo Phụ lục 2c kèm theo)

2. Tình hình thực hiện kiến nghị của kiểm toán, thanh tra, cơ quan tài chính

2.1. Các kiến nghị đã thực hiện:

a) Kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước (Công văn 1070/ĐHM ngày 19/03/2025 gửi Bộ GDĐT): (i) Đã nộp NSNN kinh phí miễn giảm học phí do chưa

¹ Đoàn xét duyệt/thẩm định quyết toán chịu trách nhiệm về kết quả xét duyệt/thẩm định và nội dung trình Thông báo xét duyệt/thẩm định quyết toán theo quy định.

điều chỉnh mức thu học phí kỳ 1 năm học 2022-2023 theo Nghị định số 97/2023 số tiền: 174.941.000 đồng. Đồng thời đã điều chỉnh Quyết toán NSNN năm 2023; (ii) Đã nộp NSNN thuế TNDN của một số lớp đào tạo đã hoàn thành năm 2023 chưa ghi nhận doanh thu số tiền: 111.386.597 đồng; (iii) Đã hoàn trả người học khoản thu vượt chưa đúng quy định tại Điều 20 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP số tiền 501.691.400 đồng; (iv) Đã ghi sổ bổ sung tài sản hình thành từ NCKH và nhận tài trợ nhỏ lẻ số tiền: 445.200.000đ; (v) Đã thực hiện điều chỉnh số liệu tài chính trên Báo cáo tài chính năm 2023.

b) *Kiến nghị của Đoàn xét duyệt quyết toán 2023, Bộ GDĐT (Thông báo số 1329/TB-BGDĐT ngày 30/9/2024):* (i) Thu hồi, nộp Ngân sách nhà nước (NSNN): 27.863.000 đồng của Đề tài KHCN cấp Bộ “Xây dựng bộ tiêu chuẩn cho hình thức khảo thí trực tuyến cho các trường đại học tại Việt Nam” theo Biên bản họp hội đồng thanh lý đề tài ngày 18/01/2024 (Quyết định thành lập Hội đồng số 4425/QĐ-BGDĐT ngày 22/12/2023); Thu hồi, nộp NSNN số tiền 46.786.000 đồng thực hiện Đề tài KHCN cấp Bộ “Xây dựng bộ tiêu chuẩn cho hình thức khảo thí trực tuyến cho các trường đại học tại Việt Nam” theo Biên bản họp hội đồng thanh lý đề tài ngày 18/01/2024 (Quyết định thành lập Hội đồng số 4425/QĐ-BGDĐT ngày 22/12/2023); Thu hồi, nộp NSNN số tiền 20.794.400 đồng thực hiện Đề tài KHCN cấp Bộ “Nghiên cứu phát hiện bệnh do Tilapia Lake Virus (TiLV) trên cá rô phi nuôi tại Việt Nam, mã số B2019-MHN-06” theo Biên bản họp hội đồng thanh lý đề tài ngày 04/08/2023 (Quyết định số thành lập Hội đồng 1996/QĐ-BGDĐT ngày 10/07/2023); (ii) Đã thực hiện điều chỉnh quy chế chi tiêu nội bộ, bổ sung quy định về hưởng chi quản lý đề tài NCKH, không hạch toán vào chi phí các khoản có tính phúc lợi; đã rà soát đối tượng hưởng chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập chi trả kịp thời và không phải huỷ dự toán; Trường cũng đã tổ chức sắp xếp lại cơ cấu tổ chức bộ máy theo hướng tinh gọn, hiệu quả sắp xếp và hợp nhất Trung tâm Đào tạo trực tuyến, Khoa Đào tạo từ xa, Trung tâm Đại học Mở Hà Nội tại Đà Nẵng thành Viện Đào tạo và phát triển học tập suốt đời, chấm dứt hoạt động Trung tâm Bồi dưỡng Ngắn hạn, chuyển chức năng sang Viện Đào tạo và phát triển học tập suốt đời (QĐ 879/QĐ-ĐHM ngày 10/3/2025)

2.2. Các kiến nghị đang thực hiện: (i) Thực hiện rà soát các hợp đồng phối hợp đào tạo với Trường Đào tạo bồi dưỡng cán bộ Công thương và Viện Công nghiệp thực phẩm về căn cứ thay đổi hợp đồng, tuy nhiên các đơn vị này đang trong giai đoạn sáp nhập, tổ chức lại nên chưa có kết quả cụ thể; (ii) Tiếp tục rà soát, sắp xếp tổ chức một số đơn vị trong Trường theo hướng tinh gọn, hiệu quả.

2.3. Các kiến nghị chưa thực hiện: Không có

2.4. Tình hình thực hiện kiến nghị của kiểm toán, thanh tra, cơ quan tài chính:

- Tổng số kinh phí phải nộp NSNN: 314.190.597 đồng
- Tổng số kinh phí đã nộp NSNN: 314.190.597 đồng
- Tổng số kinh phí còn phải nộp NSNN: 0 đồng

(Số liệu chi tiết theo Mẫu biểu 69 kèm theo)

3. Thuyết minh số liệu quyết toán

3.1. Kinh phí chi không thường xuyên miễn giảm học phí (Loại 070-081)

- Số dư kinh phí năm trước chuyển sang	0 đồng
- Dự toán được giao trong năm	3.173.000.000 đồng
- Tổng số được sử dụng trong năm	3.173.000.000 đồng
- Kinh phí thực nhận trong năm	3.087.058.700 đồng
- Kinh phí đề nghị quyết toán	3.087.058.700 đồng
- Kinh phí giảm trong năm	85.941.300 đồng
- Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau	
sử dụng và quyết toán:	0 đồng
Trong đó:	
+ Kinh phí đã nhận	0 đồng
+ Dự toán còn dư ở Kho bạc	0 đồng

3.3. Kinh phí không thường xuyên thực hiện đề tài KHCN (Loại 100-101)

- Số dư kinh phí năm trước chuyển sang	400.566.000 đồng
- Dự toán được giao trong năm	1.090.555.000 đồng
- Tổng số được sử dụng trong năm	1.491.121.000 đồng
- Kinh phí thực nhận trong năm	482.033.000 đồng
- Kinh phí đề nghị quyết toán	482.033.000 đồng
- Kinh phí giảm trong năm	73.271.000 đồng
- Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau	
sử dụng và quyết toán:	935.817.000 đồng ²
Trong đó:	
+ Kinh phí đã nhận	0 đồng
+ Dự toán còn dư ở Kho bạc	935.817.000 đồng

II. Nội dung đối chiếu số liệu kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ:

- Kết quả chênh lệch thu, chi trong năm (kể cả tiết kiệm chi hành chính):	
314.705.694.671 đồng. Trong đó:	
+ Nộp thuế cho NSNN: 14.481.313.717 đồng	
- Sử dụng kinh phí tiết kiệm của cơ quan hành chính: 0 đồng	
- Trích lập các quỹ: 300.224.380.954 đồng	
- Kinh phí cải cách tiền lương: 0 đồng	
(Chi tiết theo Phụ lục 2b kèm theo)	

III. Nhận xét và kiến nghị

1. Nhận xét

1.1. Về chấp hành thời hạn nộp báo cáo quyết toán; các mẫu biểu báo cáo quyết toán

- Về chấp hành thời hạn nộp báo cáo quyết toán: đơn vị đã bảo đảm thời gian theo quy định.
- Về các mẫu biểu báo cáo quyết toán: danh mục báo cáo đã bảo đảm theo

² Kinh phí các nhiệm vụ KHCN đang trong thời gian thực hiện.

quy định tại Thông tư 107/2017/TT-BTC; Báo cáo tài chính, Báo cáo quyết toán đã được Hội đồng trường thông qua theo quy định.

- Về thực hiện xét duyệt quyết toán năm đối với đơn vị dự toán cấp dưới, đơn vị trực thuộc: Trường không có đơn vị trực thuộc hạch toán độc lập.

1.2. Về Quy chế tài chính, Quy chế chi tiêu nội bộ

Trường đã ban hành Quy chế tài chính kèm theo Nghị quyết số 4368/2021/NQ-ĐHM-HĐT ngày 30/8/2021, Quy chế chi tiêu nội bộ kèm theo Quyết định số 308/QĐ-ĐHM ngày 24/01/2024. Qua rà soát, một số căn cứ tại Quy chế chi tiêu nội bộ đã hết hiệu lực¹ cần cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật mới ban hành làm căn cứ thực hiện cho năm 2025. Tại mục e, g (trang 37) của Quy chế chi tiêu nội bộ, định mức chi cho các thành viên của các Hội đồng chưa cụ thể đơn vị tính (mức chi theo buổi hoặc theo ngày..).

1.3. Tình hình thực hiện tự chủ tài chính

Trường được giao tự chủ toàn bộ kinh phí hoạt động thường xuyên và đầu tư theo Quyết định số 465/QĐ-BGDDT ngày 31/01/2024 về việc giao quyền tự chủ tài chính giai đoạn 2023 – 2025 cho các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc.

a) Việc trích lập và sử dụng các quỹ năm 2024 như sau

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung	Số tồn quỹ đầu năm 2024	Số bổ sung năm 2024	Số chi trong năm 2024	Số dư cuối năm 2024
1	Quỹ phát triển HDSN	439.914	146.708	15.688	570.934
2	Quỹ khen thưởng	994	1.023	812	1.205
3	Quỹ phúc lợi	23.003	25.005	19.007	29.001
4	Quỹ bổ sung thu nhập	79.590	132.915	90.418	122.087

(*) Tỷ lệ trích lập Quỹ

TT	Tên Quỹ	Số trích lập (đồng)	Tỷ lệ
1	Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	141.309.674.434	47%
2	Quỹ khen thưởng	1.000.000.000	0.3%

¹ Thông tư 11/2016/TT-BGDDT ngày 11/4/2016 của Bộ GDĐT quy định về quản lý đề tài KHCN cấp Bộ của Bộ GDĐT; Thông tư 45/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính về quản lý, tính hao mòn, khấu hao TSCĐ tại cơ quan, tổ chức, đơn vị.

3	Quỹ Phúc lợi	25.000.000.000	10,7%
4	Quỹ bổ sung thu nhập	132.914.706.520	42%
	TỔNG CỘNG	300.224.380.954	100%

(*) Trích lập Quỹ Học bổng khuyến khích học tập và Quỹ phát triển KHCN

- Tổng thu học phí hệ đại học chính quy năm 2024: 306.556.687.000 đồng

- Trích lập Quỹ Học bổng khuyến khích học tập: 24.529.978.366 đồng (đạt tỷ lệ 8% nguồn thu học phí hệ đại học chính quy theo quy định tại Nghị định số 109/2022/NĐ-CP của Chính phủ về hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học).

- Trích lập Quỹ phát triển KHCN: 28.368.461.699 đồng (tỷ lệ 5% nguồn thu học phí, đảm bảo tỷ lệ theo quy định tại Điều 31 Nghị định 109/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ quy định về hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học).

b) Về chi trả thu nhập tăng thêm trong năm

- Tổng chi thu nhập tăng thêm của đơn vị: 90.418 triệu đồng

- Thu nhập tăng thêm bình quân của người lao động trong đơn vị: 11 triệu đồng/tháng; hệ số tăng thu nhập bình quân: 1,5 lần; trong đó: Người có thu nhập tăng thêm cao nhất: 35 triệu đồng/tháng; người có thu nhập tăng thêm thấp nhất: 8 triệu đồng/tháng.

1.4. Về thu, chi hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ

- Tổng thu sự nghiệp, thu hoạt động SXKD năm 2024 là 636.559 triệu đồng gồm thu học phí chính quy: 314.189 triệu đồng; học phí vừa làm vừa học, liên thông, từ xa: 251.843 triệu đồng; thu dự tuyển các hệ: 1.336,9 triệu đồng; lãi tiền gửi ngân hàng: 31.280 triệu đồng; thu khác: 37.909 triệu đồng.

- Về mức thu học phí: Năm học 2023-2024 thực hiện theo Quyết định số 2589/QĐ-ĐHM ngày 28/7/2023; năm học 2024-2025 thực hiện Quyết định số 2368/QĐ-ĐHM ngày 19/6/2024. Mức thu học phí đảm bảo theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 và Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 21/12/2023 của Chính phủ.

- Về việc chi trả vượt giờ giảng dạy: Trong năm 2024, Trường đã chi trả cho 125 giảng viên của 11 Khoa, Trung tâm có số giờ giảng vượt trên 300 giờ chuẩn².

² Khoa Du lịch: 12 giảng viên, 2875,18 giờ; Khoa Đào tạo cơ bản: 13 giảng viên, 2.835,79 giờ; Khoa Điện tử: 1 giảng viên, 195 giờ; Khoa Kinh tế: 13 giảng viên, 5.157,18 giờ; Khoa Luật: 13 giảng viên, 3.110,8 giờ; Khoa Tiếng Anh: 20 giảng viên, 8.959,22 giờ; Khoa Tài chính ngân hàng: 4 giảng viên, 788,39 giờ; Khoa Tạo dáng công nghiệp: 8 giảng viên, 1.198,77 giờ; Khoa công nghệ thông tin: 13 giảng viên, 4899,64 giờ; Khoa Tiếng Trung Quốc: 15 giảng viên, 4.930,04 giờ; Trung tâm QDTC&QPAN: 13 giảng viên, 6.082,48 giờ

Tổng số tiền chi vượt trên 300 giờ là 5.133,8 triệu đồng. Việc thanh toán vượt trên 300 giờ không đúng quy định của Bộ Luật lao động số 45/2019/QH14 ngày 20/11/2019, Điều 61 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ Luật lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động.

1.5. Kinh phí chế độ, chính sách cho người học

Dự toán giao năm 2024: chế độ chính sách cho người học (miễn, giảm học phí và các chế độ khác nếu có) là 3.173 triệu đồng (3.316 triệu đồng giao theo Quyết định số 4630/QĐ-BGDĐT ngày 29/12/2023, điều chỉnh giảm dự toán 143 triệu đồng theo Quyết định số 3559/QĐ-BGDĐT ngày 14/11/2024).

a) Kinh phí cấp bù miễn giảm học phí theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP

Trường thực hiện chi trả dựa trên số tín chỉ thực tế sinh viên đăng ký học theo từng học kỳ. Tổng số kinh phí chi trả năm 2024 (loại 070.081) là 2.435,518 triệu đồng: (i) Chi cho 254 sinh viên hưởng tại học kỳ II năm học 2023-2024 theo QĐ số 1581/QĐ-ĐHM ngày 25/4/2025 (trong đó: Miễn học phí: 96 sinh viên; giảm 70% học phí: 94 sinh viên; giảm 50% học phí: 56 sinh viên) là 1.262,0822 triệu đồng; (ii) Chi cho 260 sinh viên hưởng tại học kỳ I năm học 2024-2025 theo QĐ số 5189/QĐ-ĐHM ngày 25/11/2024 (trong đó: Miễn học phí: 101 sinh viên; giảm 70% học phí: 92 sinh viên; giảm 50% học phí: 67 sinh viên) là 1.173,4365 triệu đồng

Năm 2024, trường thực hiện chi trả phần kinh phí chênh/tín chỉ (từ 44.000 đồng đến 189.000 đồng/tín chỉ) so với định mức quy định NSNN tại Nghị định 81 từ Quỹ hỗ trợ sinh viên của nhà trường. Tổng số kinh phí đã thực hiện chi trả là 1.109,7027 triệu đồng (*cụ thể: HK II năm học 2023-2024 là 310,0559 triệu đồng và HK I năm học 2024-2025 là 799,6468 triệu đồng*).

b) Kinh phí chi cho hỗ trợ chi phí học tập (Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg):

Tổng số chi năm 2024 là 448,74 triệu đồng

Chi cho 35 sinh viên hưởng tại HK II năm học 2023-2024 tại Quyết định số 1258/QĐ-ĐHM ngày 02/4/2024 là 189,0 triệu đồng. Chi cho 37 sinh viên hưởng tại HK I năm học 2024-2025 theo Quyết định 4962/QĐ-ĐHM ngày 04/11/2024 là 259,74 triệu đồng.

c) Kinh phí chi trả chế độ trợ cấp xã hội theo Quyết định số 1121/1997/QĐ-TTg về học bổng và trợ cấp xã hội đối với học sinh sinh viên các trường đào tạo công lập.

Trường chi trả cho 74 sinh viên HK I năm học 2023-2024 theo Quyết định số 348/QĐ-ĐHM ngày 15/02/2024 là 58,8 triệu đồng; Chi trả cho 65 sinh viên HK II năm học 2023-2024 theo Quyết định số 2366/QĐ-ĐHM ngày 19/6/2024 là 52,68 triệu đồng; Chi trả cho 67 sinh viên HK I năm học 2024-2025 theo Quyết định số 5910/QĐ-ĐHM ngày 31/12/2024 là 54,6 triệu đồng.

d) Kinh phí chi cho sinh viên hưởng hỗ trợ học tập theo Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09/05/2017 của Chính phủ quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người.

Trường chi trả cho 01 sinh viên HK I năm học 2023-2024 theo Quyết định số 582/QĐ-ĐHM ngày 15/02/2024 là 7,2 triệu đồng; Chi trả cho 01 sinh viên HK II năm học 2023-2024 theo Quyết định số 1260/QĐ-ĐHM ngày 02/4/2024 là 10,8 triệu đồng; Chi trả cho 02 sinh viên HK I năm học 2024-2025 theo Quyết định số 4961/QĐ-ĐHM ngày 04/11/2024 là 18,72 triệu đồng.

Số dư kinh phí năm 2024 là 85,941 triệu đồng. Kho bạc đã hủy số dư dự toán 85,941 triệu đồng.

1.6. Về việc kinh phí chi sự nghiệp KHCN

- Dự toán giao năm 2024 giao là 1.035,5 triệu đồng (1.040 triệu đồng giao theo Quyết định số 4630/QĐ-BGDĐT ngày 29/12/2023, điều chỉnh giảm dự toán 4,5 triệu đồng theo Quyết định số 3559/QĐ-BGDĐT ngày 14/11/2024) và 55,055 triệu đồng kinh phí thưởng công bố khoa học có giá trị, sáng chế, giải pháp hữu ích và giống cây trồng 2023 theo Quyết định số 495/QĐ-BGDĐT ngày 02/02/2024.

a) Năm 2022 chuyển tiếp 02 đề tài:

(i) Nghiên cứu tăng hiệu suất sinh tổng hợp axit clavulanic (CLA) từ xạ khuẩn *Streptomyces clavuligerus* tự nhiên bằng kỹ thuật di truyền và đột biến: Đề tài được gia hạn đến tháng 06/2024. Số dư dự toán hủy là 63.771.000 đồng. Đang làm thủ tục thanh lý đề tài.

(ii) Nghiên cứu, đề xuất một số giải pháp quản lý đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục là người nước ngoài tham gia các hoạt động giáo dục tại Việt Nam: Đề tài được gia hạn đến tháng 11/2024. Số dư dự toán hủy là 9.500.000 đồng. Đã nghiệm thu tháng 01/2025.

b) Năm 2023 chuyển tiếp 05 đề tài:

(i) Nghiên cứu giải pháp tăng cường sống xanh của sinh viên tại Hà Nội (Mã số B2023-MHN-01), thời gian thực hiện trong 2 năm 2023-2024. Đề tài được gia hạn sang năm 2025. Số quyết toán năm 2024: 161.405.000đ. Số dư dự toán chuyển năm sau: 33.550.000 đồng.

(ii) Ứng dụng kỹ thuật giải trình tự xác định các nhóm gen liên quan và CRISPR/Cas 9 tổng hợp hoạt chất sinh học của chủng *Streptomyces* sp. CH8.1 (Mã số B2023-MHN-02), thời gian thực hiện trong 2 năm 2023-2024. Đề tài được gia hạn sang năm 2025. Số quyết toán năm 2024: 98.500.000đ. Số dư dự toán chuyển năm sau: 431.500.000 đồng.

(iii) Nghiên cứu xây dựng bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng học liệu mở trong giáo dục đại học ở Việt Nam (Mã số B2023-MHN-03), thời gian thực hiện trong 2 năm 2023-2024. Số quyết toán năm 2024: 0đ. Đề tài được gia hạn sang năm 2025. Số dư dự toán chuyển năm sau: 167.340.000 đồng.

(iv) Nghiên cứu tác động của quản trị và hành chính công đến sự đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp địa phương (Mã số B2023-MHN-04), thời gian thực hiện trong 02 năm 2023-2024. Số quyết toán năm 2024: 125.273.000đ. Đề tài được gia hạn sang năm 2025. Số dự dự toán chuyển năm sau: 44.727.000 đồng.

(v) Đánh giá mức độ tác động của kết nối mạng xã hội giữa Việt Nam và quốc tế thu hút vốn đầu tư nước ngoài (Mã số B2023-MHN-05), thời gian thực hiện trong 02 năm 2023-2024. Số quyết toán năm 2024: 0đ. Đề tài được gia hạn sang năm 2025. Số dự dự toán chuyển năm sau: 215.000.000 đồng.

c) Đề tài mở mới năm 2024

(i) Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển du lịch chăm sóc sức khỏe tại Việt Nam (Mã số B2024-MHN-01). Số quyết toán năm 2024: 41.800.000đ. Số dự dự toán chuyển năm sau 43.700.000 đồng.

- Chi thường công bố khoa học có giá trị, sáng chế, giải pháp hữu ích và giống cây trồng 2023 theo Quyết định số 495/QĐ-BGDDT ngày 02/02/2024: Đơn vị đã thực hiện thanh toán cho các cá nhân 55.055.000 đồng.

1.7. Quyết toán thuế thu nhập cá nhân, Thuế TNDN, các khoản thuế khác

Quyết toán thuế thu nhập cá nhân, Thuế TNDN, các khoản thuế khác năm 2024: 35.473.800.767 đồng, trong đó:

- Quyết toán thuế thu nhập cá nhân: 20.930.789.351 đồng
- Quyết toán Thuế TNDN: 14.481.313.716 đồng
- Quyết toán Thuế GTGT: 60.697.700 đồng
- Thuế môn bài: 1.000.000 đồng

1.8. Kiểm tra việc mua sắm, quản lý tài sản công

a) Về phê duyệt định mức máy móc thiết bị chuyên dùng làm cơ sở lập dự án/dự toán mua sắm trang thiết bị theo quy định

- Trường ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công (Quyết định số 131/QĐ-ĐHM ngày 11/01/2022), Ban hành Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị (Quyết định số 3412/QĐ-ĐHM ngày 21/9/2022) và ban hành Tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp (Quyết định số 2996/QĐ-ĐHM ngày 28/8/2023).

- Trường đã ban hành Quy trình thủ tục thanh toán các hoạt động tài chính theo 5175/QĐ-ĐHM ngày 05/11/2021 (trong đó quy định đầy đủ quy trình mua sắm tài sản, sửa chữa, cải tạo, đầu tư CSVC)

b) Công tác quản lý tài sản công

- Về chế độ báo cáo: Trường có Báo cáo số 712/BC-ĐHM ngày 25/2/2025 gửi Bộ GDĐT báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công năm 2024.

- Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công được ban hành tại Quyết định số 131/QĐ-ĐHM ngày 11/01/2022.

- Tính đến ngày 31/12/2024, Trường ĐH Mở Hà Nội đã thực hiện việc cập nhật, chuẩn hóa dữ liệu kịp thời trong cơ sở dữ liệu Quốc gia đối với 4 loại tài sản

gồm: Đất thuộc trụ sở làm việc; nhà thuộc trụ sở làm việc; xe ô tô các loại; tài sản khác có nguyên giá từ 30 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản.

1.9. Kinh phí được chuyển sang năm sau sử dụng

Nguồn kinh phí KHCN (loại 100 - 101): 935.817.000 đồng (dự toán tại Kho bạc) của các đề tài đang trong thời hạn thực hiện.

1.10. Về việc kiểm toán nội bộ; tự kiểm tra tài chính; công khai tài chính theo quy định.

- Trường thành lập Bộ phận kiểm toán nội bộ theo Quyết định số 1535/QĐ-ĐHM ngày 16/5/2023, Quy chế kiểm toán nội bộ theo Quyết định số 292/QĐ-ĐHM ngày 06/02/2023, Quy trình kiểm toán nội bộ theo Quyết định số 4281/QĐ-ĐHM ngày 24/11/2023. Trong năm 2024 đã thực hiện 01 cuộc kiểm toán nội bộ về kiểm tra các khoản chi thường xuyên theo kế hoạch ban hành kèm theo Quyết định số 1273 /QĐ-ĐHM ngày 03/04/2024.

- Trường đã thực hiện công khai tài chính theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017

2. Kiến nghị đối với Trường Đại học Mở Hà Nội

Đề nghị Thủ trưởng đơn vị chỉ đạo đơn vị thực hiện nghiêm túc hướng dẫn của Bộ GDĐT tại Công văn số 1275/BGDĐT-KHTC ngày 24/3/2025 về việc tăng cường công tác quản lý tài chính, tài sản tại các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ GDĐT; thực hiện nghiêm túc, đầy đủ, kịp thời các kết luận, kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước, Thanh tra, cơ quan tài chính, thông báo xét duyệt/thẩm định quyết toán năm của Bộ GDĐT.

- Đề nghị rà soát, sửa đổi Quy chế CTNB theo quy định của Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22/5/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2025/NĐ-CP và các văn bản QPPL mới ban hành.

- Đề nghị rà soát, sửa đổi Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công theo Quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công (Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 15/9/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định số 155/2025/NĐ-CP ngày 16/6/2025 quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp và các văn bản liên quan). Rà soát, theo dõi TSCĐ đối với tài sản đủ tiêu chuẩn là TSCĐ theo quy định của Thông tư 23/2023/TT-BTC.

- Đề nghị rà soát quy trình sửa chữa thiết bị đào tạo, quy trình đầu tư xây dựng và cải tạo sửa chữa cơ sở vật chất; ban hành Quy trình mua sắm tài sản công để thực hiện sửa đổi, bổ sung phù hợp với qui định hiện hành (Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu ngày 29/11/2024; Nghị định số 98/2025/NĐ-CP ngày 06/5/2025 của Chính phủ quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước để mua sắm, sửa chữa, cải tạo,

nâng cấp tài sản, trang thiết bị; chi thuê hàng hóa, dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng và các nhiệm vụ cần thiết khác,...).

- Chủ động đôn đốc tiến độ triển khai các đề tài NCKH để đảm bảo triển khai, nghiệm thu, quyết toán đúng tiến độ.

- Rà soát, sắp xếp, bố trí đội ngũ giảng viên để khắc phục tình trạng giảng viên vượt giờ không đúng quy định tại Bộ Luật lao động và Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ.

3. Trách nhiệm của đơn vị sử dụng ngân sách:

- Chịu trách nhiệm về việc chấp hành đúng chính sách, chế độ của Nhà nước, về tính chính xác, trung thực của thông tin số liệu quyết toán và tính hợp pháp của chứng từ cung cấp cho đơn vị xét duyệt, thẩm định quyết toán.

- Thực hiện nghiêm kiến nghị của Bộ GDĐT về điều chỉnh số liệu, sổ kế toán, báo cáo quyết toán, xuất toán, thu hồi nộp ngân sách nhà nước.

- Kể từ ngày nhận được thông báo xét duyệt quyết toán của Bộ GDĐT, trong phạm vi 10 ngày làm việc phải thực hiện đầy đủ các nội dung trong thông báo xét duyệt và làm thủ tục điều chỉnh số liệu quyết toán với Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch; báo cáo kết quả thực hiện về Bộ GDĐT (*qua Vụ Kế hoạch - Tài chính*) theo quy định. Báo cáo kết quả thực hiện kiến nghị cần nêu rõ: Những kiến nghị đã thực hiện, kiến nghị đang thực hiện, kiến nghị chưa thực hiện (*với những kiến nghị đã thực hiện cần ghi rõ cụ thể nhiệm vụ đã thực hiện và phô tô kèm theo các chứng từ, tài liệu,... để chứng minh; với kiến nghị đang thực hiện và kiến nghị chưa thực hiện phải giải thích lý do, báo cáo rõ thời gian hoàn thành việc thực hiện các kiến nghị*).

- Trường hợp đơn vị sử dụng ngân sách không thống nhất với nội dung thông báo xét duyệt quyết toán của của Bộ GDĐT, thì trong phạm vi 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo xét duyệt/thẩm định quyết toán của Bộ GDĐT phải có văn bản gửi Bộ GDĐT để xem xét, quyết định.

Bộ GDĐT thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách nhà nước năm 2024 để đơn vị được biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng (để b/c);
- TTr Lê Tấn Dũng (để b/c);
- Vụ trưởng Vụ KHTC (để b/c);
- Bộ Tài chính (để phối hợp);
- Trường Đại học Mở Hà Nội (để thực hiện);
- Lưu: VT, KHTC (Quỳnh).

TL. BỘ TRƯỞNG
KT. VỤ TRƯỞNG VỤ KẾ HOẠCH - TÀI CHÍNH
PHÓ VỤ TRƯỞNG



Ngô Văn Thịnh

ĐỐI CHIẾU SỐ LIỆU

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2024

ĐƠN VỊ: TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ HÀ NỘI

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Nội dung	Số tiền
	Chỉ tiêu theo Báo cáo kết quả hoạt động theo Mẫu B02/BCTC (đối với đơn vị lập báo cáo tài chính đầy đủ) hoặc Mẫu số B05/BCTC (đối với đơn vị lập báo cáo tài chính đơn giản) ban hành kèm theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC	
	Hoạt động hành chính, sự nghiệp	
1	Doanh thu (01=02+03+04)	3.090.089.666
2	a. Từ NSNN cấp	3.090.089.666
3	b. Từ nguồn viện trợ, vay nợ nước ngoài	-
4	c. Từ nguồn phí được khấu trừ, để lại	-
5	Chi phí (05=06+07+08)	482.033.000
6	a. Chi phí hoạt động	482.033.000
7	b. Chi phí từ nguồn viện trợ, vay nợ nước ngoài	-
8	c. Chi phí hoạt động thu phí	-
9	Thặng dư/thâm hụt (09=01-05)	2.608.056.666
	Hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ	-
10	Doanh thu	608.334.180.685
11	Chi phí	324.940.197.418
12	Thặng dư/thâm hụt (12=10-11)	283.393.983.267
	Hoạt động tài chính	-
20	Doanh thu	31.280.211.404
21	Chi phí	-
22	Thặng dư/thâm hụt (22=20-21)	31.280.211.404
	Hoạt động khác	-
30	Thu nhập khác	31.500.000
31	Chi phí khác	-
32	Thặng dư/thâm hụt (32=30-31)	31.500.000
40	Chi phí thuế TNDN	14.481.313.717
41	Các khoản phải nộp NSNN khác	-
50	Thặng dư/thâm hụt trong năm (50=09+12+22+32-40+41)	302.832.437.620
51	Sử dụng kinh phí tiết kiệm của đơn vị hành chính	-
52	Phân phối cho các quỹ	302.832.437.620
53	Kinh phí cải cách tiền lương	-



SỐ LIỆU XÉT DUYỆT (HOẶC THẨM ĐỊNH)

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2024

Đơn vị: Trường Đại học Mở Hà Nội

Phần I-Tổng hợp tình hình kinh phí:

Mã số	Chỉ tiêu	TỔNG SỐ	Loại 070	Loại 100
			Khoản 081	Khoản 101
1	I. SỐ DƯ KP NĂM TRƯỚC CHUYỂN SANG:	400.566.000	0	400.566.000
2	1. Nguồn NSNN:	400.566.000	0	400.566.000
3	a) Ngân sách trong nước:	400.566.000	0	400.566.000
4	- Kinh phí đã nhận:	0	0	0
5	- Dự toán còn dư ở kho bạc:	400.566.000	0	400.566.000
6	b) Phí, lệ phí để lại	0	0	0
7	c) Viện trợ :	0	0	0
8	d) Vay nợ :	0	0	0
9	2. Nguồn khác	0	0	0
10	II. DỰ TOÁN ĐƯỢC GIAO TRONG NĂM:	4.263.555.000	3.173.000.000	1.090.555.000
11	1. Nguồn NSNN:	4.263.555.000	3.173.000.000	1.090.555.000
12	a) Ngân sách trong nước:	4.263.555.000	3.173.000.000	1.090.555.000
13	b) Phí, lệ phí để lại	0	0	0
14	c) Viện trợ :	0	0	0
15	d) Vay nợ :	0	0	0
16	2. Nguồn khác	0	0	0
17	III. TỔNG SỐ ĐƯỢC SỬ DỤNG TRONG NĂM:	4.664.121.000	3.173.000.000	1.491.121.000
18	1. Nguồn NSNN:	4.664.121.000	3.173.000.000	1.491.121.000
19	a) Ngân sách trong nước:	4.664.121.000	3.173.000.000	1.491.121.000
20	b) Phí, lệ phí để lại	0	0	0
21	c) Viện trợ :	0	0	0
22	d) Vay nợ :	0	0	0
23	2. Nguồn khác	0	0	0

Mã số	Chỉ tiêu	TỔNG SỐ	Loại 070	Loại 100
			Khoản 081	Khoản 101
24	IV. KINH PHÍ THỰC NHẬN TRONG NĂM	3.569.091.700	3.087.058.700	482.033.000
25	1. Nguồn NSNN:	3.569.091.700	3.087.058.700	482.033.000
26	a) Ngân sách trong nước:	3.569.091.700	3.087.058.700	482.033.000
27	b) Phí, lệ phí để lại	0	0	0
28	c) Viện trợ :	0	0	0
29	d) Vay nợ :	0	0	0
30	2. Nguồn khác	0	0	0
31	V. KINH PHÍ QUYẾT TOÁN	3.569.091.700	3.087.058.700	482.033.000
32	1. Nguồn NSNN:	3.569.091.700	3.087.058.700	482.033.000
33	a) Ngân sách trong nước:	3.569.091.700	3.087.058.700	482.033.000
34	b) Phí, lệ phí để lại	0	0	0
35	c) Viện trợ :	0	0	0
36	d) Vay nợ :	0	0	0
37	2. Nguồn khác	0	0	0
38	VI. KINH PHÍ GIẢM TRONG NĂM (39+46+53)	159.212.300	85.941.300	73.271.000
39	- Đã nộp NSNN:	0	0	0
40	1. Nguồn NSNN:	0	0	0
41	a) Ngân sách trong nước:	0	0	0
42	b) Phí, lệ phí để lại	0	0	0
43	c) Viện trợ :	0	0	0
44	d) Vay nợ :	0	0	0
45	2. Nguồn khác	0	0	0
46	- Còn phải nộp:	0	0	0
47	1. Nguồn NSNN:	0	0	0
48	a) Ngân sách trong nước: (4+26-33-41-59)	0	0	0
49	b) Phí, lệ phí để lại: (6+27-34-42-61)	0	0	0
50	c) Viện trợ : (7+28-35-43-62)	0	0	0
51	d) Vay nợ : (8+29-36-44-63)	0	0	0

Mã số	Chỉ tiêu	TỔNG SỐ	Loại 070	Loại 100
			Khoản 081	Khoản 101
52	2. Nguồn khác: (9+30-37-45-64)	0	0	0
53	- Dự toán bị hủy:	159.212.300	85.941.300	73.271.000
54	1. Nguồn NSNN:	159.212.300	85.941.300	73.271.000
55	a) Ngân sách trong nước: (5+12-26-60)	159.212.300	85.941.300	73.271.000
56	VII. SỔ DƯ KINH PHÍ ĐƯỢC PHÉP CHUYỂN SANG NĂM SAU SỬ DỤNG VÀ QUYẾT TOÁN:	935.817.000	0	935.817.000
57	1. Nguồn NSNN:	935.817.000	0	935.817.000
58	a) Ngân sách trong nước:	935.817.000	0	935.817.000
59	- Kinh phí đã nhận:	0	0	0
60	- Dự toán còn dư ở kho bạc:	935.817.000	0	935.817.000
61	b) Phí, lệ phí để lại	0	0	0
62	c) Viện trợ :	0	0	0
63	d) Vay nợ :	0	0	0
64	2. Nguồn khác	0	0	0

Phần II-Chi tiết kinh phí quyết toán

Loại	Khoản	Mục	Tiểu mục	Chi tiêu	Tổng số	Nguồn NSNN
				II. Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	3.569.091.700	3.569.091.700
070	081				3.087.058.700	3.087.058.700
		6150		Chi về người có công với cách mạng	3.087.058.700	3.087.058.700
			6199	Các khoản hỗ trợ khác	3.087.058.700	3.087.058.700
100	101				482.033.000	482.033.000
		6200		Tiền thưởng	55.055.000	55.055.000
			6249	Thưởng khác	55.055.000	55.055.000
		6550		Vật tư văn phòng	18.917.000	18.917.000
			6551	Văn phòng phẩm	14.917.000	14.917.000
			6553	Khoản văn phòng phẩm	3.100.000	3.100.000
			6599	Vật tư văn phòng khác	900.000	900.000
		6650		Hội nghị	11.840.000	11.840.000
			6651	In, mua tài liệu	11.840.000	11.840.000
		6700		Công tác phí	40.900.000	40.900.000
			6701	Tiền vé máy bay, tàu, xe	16.000.000	16.000.000
			6749	Chi khác	24.900.000	24.900.000
		7000		Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	355.321.000	355.321.000
			7001	Chi mua hàng hóa, vật tư	98.500.000	98.500.000
			7017	Chi khoán thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học	256.821.000	256.821.000

BÁO CÁO THỰC HIỆN XỬ LÝ KẾT LUẬN CỦA KIỂM TOÁN, THANH TRA, TÀI CHÍNH
NĂM 2024

ĐƠN VỊ: TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ HÀ NỘI

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung	Số kiến nghị của			Số đã xử lý trong năm nay			Số còn phải xử lý		
		Tổng số	Cơ quan Tài chính (Kiểm toán NN)	Bộ GD và DT	Tổng số	Cơ quan Tài chính (Kiểm toán NN)	Bộ GD và DT	Tổng số	Cơ quan Tài chính (Kiểm toán NN)	Bộ GD và DT
A	B	1	3	4	5	7	8	9	11=3-7	12=4-8
I	Kiến nghị của kiểm toán, thanh tra, cơ quan tài chính các năm trước chưa xử lý									
1	Các khoản thu phải nộp NSNN									
2	Các khoản ghi thu, ghi chi vào NSNN									
3	Nộp trả ngân sách nhà nước:									
	- Số chi sai chế độ phải xuất toán									
	+ Loại									
	- Nộp các loại thuế (TNCN, TNDN, GTGT)									
II	Kiến nghị của kiểm toán, thanh tra, cơ quan tài chính năm nay									
1	Các khoản thu phải nộp NSNN									
2	Các khoản ghi thu, ghi chi vào NSNN									
3	Nộp trả ngân sách nhà nước:	314.190.597	286.327.597	27.863.000	314.190.597	286.327.597	27.863.000	0	0	0
	- Số chi sai chế độ phải xuất toán									
	+ Loại									
	- Số dư kinh phí chưa quyết toán									
	+Loại 100									
	Hoàn trả kinh phí thực hiện đề tài NCKH	27.863.000		27.863.000	27.863.000		27.863.000	0		
	+Loại 070									
	Kinh phí miễn giảm học phí	174.941.000	174.941.000		174.941.000	174.941.000		0		
	- Nộp các loại thuế (TNCN, TNDN, GTGT)	111.386.597	111.386.597		111.386.597	111.386.597		0		

